

ĐỀ ÁN

Tuyển sinh các ngành thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp, năm 2023

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở và địa chỉ trang web

a) Tên trường

Trường Cao đẳng Sư phạm Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương I được thành lập theo Nghị định số 93/HĐBT ngày 28 tháng 5 năm 1988 của Chính phủ, trên cơ sở sát nhập, hợp nhất Trường Sư phạm mẫu giáo Trung ương (thành lập năm 1963) và Trường Trung cấp nuôi dạy trẻ trung ương (thành lập năm 1972).

Ngày 26 tháng 01 năm 2006, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 509/QĐ-BGDĐT đổi tên Trường Cao đẳng Sư phạm Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương I thành Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

b) Sứ mạng, mục tiêu và tầm nhìn

- Sứ mạng: Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thực tiễn xã hội và hội nhập quốc tế. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế được xây dựng trên cơ sở đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp dạy học linh hoạt, phù hợp và thuận lợi nhất cho người học.

- Mục tiêu tổng quát: Đào tạo nguồn nhân lực có năng lực đáp ứng tốt yêu cầu vị trí việc làm theo chuẩn chức danh nghề nghiệp; có khả năng thích ứng với xu thế của thị trường lao động, nhu cầu phát triển của kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế.

- Tầm nhìn: Phấn đấu đến năm 2030, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực ngành Giáo dục mầm non và các ngành thuộc hệ thống Giáo dục nghề nghiệp có uy tín, chất lượng theo tiêu chuẩn của các nước trong khu vực. Đến năm 2035 trở thành cơ sở giáo dục Đại học.

c) Địa chỉ

Trường có trụ sở chính tại số 387 đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

d) Địa chỉ trang thông tin điện tử: www.cdsptw.edu.vn

2. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Khối ngành/ngành/nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2021			Năm tuyển sinh 2022		
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
- Tiếng Anh	80	9		50	48	
- Thiết kế đồ họa	50	0		50	66	
- Công nghệ thông tin	50	0		50	31	
- Quản trị văn phòng	50	12		50	0	
- Công tác xã hội	70	8		50	0	
Tổng	300	129		300	145	

II. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của toàn trường: 26.351,6 m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 700 chỗ ở
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	165	8773
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	1160
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	5	510
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	65	2643
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	4	100
1.5	Số phòng học đa phương tiện	17	1341
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	72	3019
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	2	838
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	19	1385
	Tổng	186	10.996

2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
1.	04 Phòng thực hành tin học	170 máy tính, 05 máy chiếu, kết nối mạng LAN và Internet
2.	10 Phòng thực hành can thiệp với trẻ khuyết tật trí tuệ và tự kỷ tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục Đặc biệt	Máy tính, máy chiếu, trang thiết bị dạy học dành cho trẻ khuyết tật
3.	03 Phòng thực hành Mĩ thuật	Dụng cụ vẽ, sản phẩm trưng bày của sinh viên các khóa

3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Loại học liệu	Số lượng
	- Sách giáo trình	18.800
	- Sách tham khảo	2.070
	- Đề tài, luận văn, luận án	341
	- Tạp chí, thông tin khoa học	282
	- Băng đĩa	142

III. CÁC THÔNG TIN TUYỂN SINH CỦA NĂM 2023

1. Đối tượng tuyển sinh

- Học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính qui hoặc giáo dục thường xuyên).

- Các thí sinh thuộc diện được tuyển thẳng cần làm hồ sơ xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển trên kết quả học tập học kỳ 1 lớp 12 (học bạ) THPT: điểm trung bình môn học (có trong tổ hợp xét tuyển), làm tròn đến hai chữ số thập phân.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

a) Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày ban hành văn bản cho phép mở ngành	Cơ quan cấp phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	6220206	Tiếng Anh	189	27/6/2017	Bộ LĐTĐBXH	2015
2	6480201	Công nghệ thông tin	189	27/6/2017	Bộ LĐTĐBXH	2004

3	6340403	Quản trị văn phòng	189	27/6/2017	Bộ LĐTBXH	2007
4	6760101	Công tác xã hội	189	27/6/2017	Bộ LĐTBXH	2004
5	6210402	Thiết kế đồ họa	189	27/6/2017	Bộ LĐTBXH	2009
6	6540206	Thiết kế thời trang	189	27/6/2017	Bộ LĐTBXH	2007
7	6340436	Quản lý văn hóa	189	27/6/2017	Bộ LĐTBXH	2008

b) Chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh đối với từng ngành/nhóm ngành/khối ngành tuyển sinh theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

Trình độ	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu
Cao đẳng	6220206	Tiếng Anh	200
	6480201	Công nghệ thông tin	200
	6340403	Quản trị văn phòng	150
	6760101	Công tác xã hội	100
	6210402	Thiết kế đồ họa	200
	6540206	Thiết kế thời trang	50
	6340436	Quản lý văn hóa	100

5. Điều kiện xét tuyển: Thí sinh phải có bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT; điểm tổ hợp xét tuyển đạt từ 15.0 trở lên.

6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường

a) Tên trường: Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

b) Mã số trường: **CM1**

c) Mã ngành và tổ hợp xét tuyển:

Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển
6220206	Tiếng Anh	200	<ul style="list-style-type: none"> - C00: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý - C01: Ngữ Văn, Toán, Vật lý - C20: Ngữ Văn, Địa lý, Giáo dục công dân - D01: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh - A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh - A00: Toán Vật lý, Hóa học - B01: Toán, Sinh học, Lịch Sử - B00: Toán, Hóa, Sinh

6480201	Công nghệ thông tin	200	<ul style="list-style-type: none"> - A00: Toán Vật lý, Hóa học - A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh - B00: Toán, Hóa, Sinh học - D01: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh - C01: Ngữ Văn, Toán, Vật lý - C20: Ngữ Văn, Địa lí, Giáo dục công dân
6340403	Quản trị văn phòng	150	<ul style="list-style-type: none"> - C00: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý - C01: Ngữ Văn, Toán, Vật lý - C20: Ngữ Văn, Địa lí, Giáo dục công dân
6760101	Công tác xã hội	100	<ul style="list-style-type: none"> - D01: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh - A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh - A00: Toán Vật lý, Hóa học - B01: Toán, Sinh học, Lịch Sử - B00: Toán, Hóa, Sinh
6210402	Thiết kế đồ họa	200	<ul style="list-style-type: none"> - C00: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý
6540206	Thiết kế thời trang	50	<ul style="list-style-type: none"> - D01: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh - A00: Toán Vật lý, Hóa học
6340436	Quản lý văn hóa	100	<ul style="list-style-type: none"> - B00: Toán, Hóa, Sinh - C00: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý

Các yêu cầu cụ thể sẽ được Trường quy định và thông báo qua Thông báo tuyển sinh, cập nhật trên Website của Trường.

d) Chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp: không có

đ) Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Không có quy định riêng

e) Hồ sơ đăng ký xét tuyển

(1) Phiếu đăng ký xét tuyển cao đẳng chính qui theo mẫu của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương (*sử dụng đối với phương thức xét theo kết quả học tập lớp 12 ở THPT, sử dụng cho các đợt tuyển sinh nguyện vọng bổ sung theo điểm thi tốt nghiệp THPT*) - Xem tại Phụ lục 02

(2) Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời.

(3) Bản sao công chứng Phiếu điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023 (*bắt buộc nếu xét theo điểm thi tốt nghiệp THPT, dùng để xét điều kiện đầu vào nếu xét theo kết quả học tập ở THPT*).

(4) Bản sao công chứng Học bạ trung học phổ thông (*Xét theo kết quả học tập ở THPT*).

(5) Bản chính Phiếu báo kết quả thi năng khiếu (*của trường khác nếu có*).

(6) Giấy chứng nhận ưu tiên (*nếu có*).

(7) 02 ảnh cỡ 3x4cm chụp trong vòng 6 tháng.

(8) Lệ phí xét tuyển (dự kiến): 25.000đ/nguyện vọng.

7. Tổ chức tuyển sinh:

- Thời gian nhận đăng ký xét tuyển: Từ ngày 15/3/2023

- Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển

+ Nộp trực tiếp: Phòng Quản lý đào tạo; địa chỉ: Phòng 104,106 nhà A hoặc Văn phòng Tuyển sinh Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, số 387 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.

+ Nộp qua bưu điện: Địa chỉ nhận hồ sơ: Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, số 387 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.

+ Nộp trực tuyến: Truy cập vào website: cdsptw.edu.vn, khai các thông tin và đính kèm bản scan hồ sơ, chuyển lệ phí xét tuyển đến số tài khoản:

Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương - 22010000455737, ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - BIDV

- Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ

Địa chỉ nhận hồ sơ: Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, số 387 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại: 0243.756.5209 (Phòng 104); 0243.756.2670 (Phòng 106), Hotline: 037.730.1818; 037.730.2828.

8. Lệ phí xét tuyển: 25.000đ/thí sinh/nguyên vọng

9. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy

Mức thu học phí (tạm tính trên cơ sở Nghị định số 81/2021/NĐ-CP): 1000.000đ đồng/sinh viên/tháng tương đương 315.000đ/tín chỉ./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH;
- HẾTTS GDNN;
- Phòng TTTT (đăng website);
- Lưu: VT, QLĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**



**HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Trần Đình Tuấn**

Phiếu số 2

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN NĂM 2023

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh (Tên theo giấy khai sinh viết bằng chữ in hoa có dấu)

..... Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0) ☐ Dân tộc:

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)

Ngày

Tháng

Năm

3. Số CMND/Thẻ căn cước công dân (ghi mỗi chữ số vào một ô)

4. Hộ khẩu thường trú:

Mã tỉnh (Tp)

Mã huyện (Quận)

5. Nơi học THPT hoặc tương đương (Ghi rõ tên trường, mã tỉnh, mã trường)

Năm lớp 10

Năm lớp 11

Năm lớp 12

6. Điện thoại liên lạc: Email:

Mã tỉnh

Mã trường

7. Địa chỉ liên hệ:

B. THÔNG TIN DÙNG ĐỂ XÉT TUYỂN SINH VÀO TRƯỜNG CĐSP TRUNG ƯƠNG

8. Đối tượng ưu tiên tuyển sinh: Ghi ký hiệu vào 2 ô bên cạnh loại đối tượng ưu tiên được hưởng (01, 02, 03, 04, 05, 06, 07), kèm theo giấy tờ xác nhận ưu tiên. Nếu không thuộc diện ưu tiên thì để trống

9. Khu vực ưu tiên tuyển sinh: Ghi mã khu vực (1 - KV1, 2NT - KV2-NT, 2 - KV2, 3 - KV3) vào ô trống

C. ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

Tổ hợp xét tuyển	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3
A00	Toán:	Lý:	Hóa:
A01	Toán:	Lý:	Anh:
B00	Toán:	Hóa:	Sinh:
B01	Toán:	Sinh:	Lịch sử:
C00	Văn:	Sử:	Địa:
C01	Văn:	Toán:	Vật lý:
C20	Văn:	Địa lý:	GDCD:
D01	Toán:	Văn:	Anh:

10. Thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển sinh vào Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển								
Nhóm ngành đào tạo trình độ cao đẳng										
Công nghệ Thông tin	6480201	A00	A01	B00	C01	C20	D01			
Thiết kế đồ họa	6320202	C00	D01	A00	B00	C00				
Tiếng Anh	6220206	A00	A01	B00	B01	C00	C01	C20	D01	
Công tác Xã hội	6760101	A00	A01	B00	B01	C00	C01	C20	D01	
Quản trị Văn phòng	6210402	A00	A01	B00	B01	C00	C01	C20	D01	
Thiết kế Thời trang	6540206	C00	D01	A00	B00	C00	C00			
Quản lý văn hóa	6340436	C00	D01	A00	B00	C00	C00			

D. CAM ĐOAN VÀ XÁC NHẬN

Tôi xin cam đoan những lời khai trong Phiếu đăng ký xét tuyển này là đúng sự thật. Nếu sai, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Ngày tháng năm 2023

Cán bộ thu hồ sơ

Chữ ký của thí sinh